

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2020

V/v Ly hôn giữa chị A và anh D.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tiến

Bà Phạm Thị Kim Thảo

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Đ T T A, sinh ngày 18-3-1997 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08-9-2020)

Nơi cư trú: Tổ 21, ấp P H 1, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Anh L T D, sinh ngày 12-7-1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 33, ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, tờ tự khai ngày 10-3-2020, nguyên đơn chị Đ T T A trình bày:

+Về hôn nhân: Chị và anh L T D kết hôn vào năm 2015. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang số 89 ngày 19-8-2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn

không thể tiếp tục sống chung. Đến cuối năm 2017 chị và D sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh D, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh L T D.

+Về con chung: không có con chung.

+Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L T D, nhưng anh D vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 21-7-2020, Tòa án đến nhà anh D để ghi lời khai, nhưng anh D vắng mặt tại nhà nên không ghi nhận được ý kiến của anh D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn chị Đ T T A, bị đơn anh L T D, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; nguyên đơn chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn chị A và bị đơn anh D.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Đ T T A và anh L T D kết hôn vào năm 2015. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang số 89 ngày 19-8-2015 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị A có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa chị A và anh D nhưng anh D không tham gia hòa giải. Ngày 21-7-2020, Tòa án đến nhà để ghi lời khai của anh D, nhưng anh D vắng mặt tại nhà nên không ghi nhận được ý kiến của anh D. Từ cuối năm 2017, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay cả chị A và anh D không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị A được ly hôn với anh D là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Đ T T A và anh L T D không có con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Đ T T A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L T D không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Đ T T A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006873 ngày 07-5-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn chị Đ T T A, bị đơn anh L T D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Chị Đ T T A được ly hôn với anh L T D

Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 19-8-2015 của Ủy ban nhân dân xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Đ T T A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006873 ngày 07-5-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[3] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị Đ T T A, bị đơn anh L T D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà